

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST.

Ngày: 21-01-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Thanh Vũ.

+ Ông Đoàn Văn Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn S** - Sinh năm: 1978, địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Số A B, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

* **Bị đơn:**

- Bà **Đào Thị Ngọc G** - Sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Ông **Đoàn Văn D** - Sinh năm: 1974; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông **Trần Văn S** trình bày:

Vào ngày 13/7/2022, ông Trần Văn S có cho ông Đoàn Văn D, bà Đào Thị Ngọc G vay số tiền là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng), cho vay không lãi suất, thời hạn vay là 03 (ba) tháng kể từ ngày 13/7/2022. Hai bên có làm Giấy mượn tiền cùng ngày 13/7/2022, ông D, bà Giàu C giao cho ông S giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/3/1997 cho hộ ông Đoàn Văn P.

Kể từ khi hết thời hạn vay thì ông S nhiều lần liên hệ, yêu cầu ông D, bà G trả lại số tiền đã vay nhưng ông D, bà G chưa trả được khoản tiền nào. Do vậy, ông S khởi kiện yêu cầu ông D, bà Giàu C nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi kể từ ngày 14/10/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Ông S đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông D, bà G đã giao cho ông.

Bị đơn là ông Đoàn Văn D, bà Đào Thị Ngọc G vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông S, ông D, bà G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ông S có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với ông D, bà Giàu C địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông D, bà G được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 24/10/2024, đồng thời ông S có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D, bà G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S, ông D, bà G theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ông S trình bày là ông có cho ông D, bà G vay 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền ngày 13/7/2022. Ông D, bà G vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã tổng đạt theo quy định của pháp luật đối với Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo giao nộp chứng cứ nhưng ông D, bà G không có

ý kiến phản đối đối với giấy mượn tiền mà ông S cung cấp. Trên cơ sở lời trình bày của ông S, giấy mượn tiền, xác định được ông S có cho ông D, bà G vay 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng).

[3.2] Ông D, bà G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là có trả được khoản tiền nào cho ông S theo thông báo giao nộp chứng cứ của Tòa án, ông S cũng xác định ông D, bà G chưa có trả khoản tiền nào cho ông nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận là ông D, bà G vẫn còn nợ ông S số tiền vay là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng).

[3.3] Về lãi suất, tiền lãi:

Ông S cho rằng việc vay tiền là vay không lãi suất, kể từ thời điểm hết thời hạn vay cho đến nay thì ông D, bà G không có trả tiền lãi do chậm trả tiền cho ông; ông D, bà G vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả khoản tiền lãi nào cho ông S nên xác định ông D, bà G không có trả tiền lãi cho ông S.

Căn cứ vào lời trình bày của ông S đồng thời tại Giấy mượn tiền ngày 13/7/2022 có ghi thời hạn vay là ba tháng kể từ ngày 13/7/2022 và khoản vay trên là vay không có lãi. Xét yêu cầu về việc trả tiền lãi của ông S thấy rằng: Khoản vay trên là vay có thời hạn và vay không có lãi nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì khi đến hạn mà bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nên việc ông S yêu cầu ông D, bà G phải trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 14/10/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận; cụ thể phần tiền lãi được tính như sau: $50.000.000\text{VNĐ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 27 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 11.302.000\text{VNĐ}$ (mười một triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng).

[4] Ông S đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông D, bà G đã giao cho ông là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời để đảm bảo việc giải quyết vụ án toàn diện cần buộc ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông D, bà G đã giao cho ông S.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông S được chấp nhận nên ông D, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho ông S, được tính như sau: $(50.000.000\text{VNĐ} + 11.302.000\text{VNĐ}) \times 5\% = 3.065.000\text{VNĐ}$ (ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1/ Buộc ông Đoàn Văn D và bà Đào Thị Ngọc Giàu C nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn S số tiền vay còn nợ là 50.000.000VNĐ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 11.302.000VNĐ (mười một triệu ba trăm lẻ hai ngàn đồng).

2/ Kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Buộc ông Trần Văn S có nghĩa vụ trả lại cho ông Đoàn Văn D, bà Đào Thị Ngọc G một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: L633615, do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre cấp ngày 28/3/1997 cho hộ Đoàn Văn P đối với thửa đất số 1187, 1188, tờ bản đồ số 2.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Hoàn trả lại cho ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.748.000VNĐ (một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004487 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

4.2) Buộc ông Đoàn Văn D và bà Đào Thị Ngọc Giàu C nghĩa vụ liên đới nộp 3.065.000VNĐ (ba triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ôn Sang, ông D, bà Giàu có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên